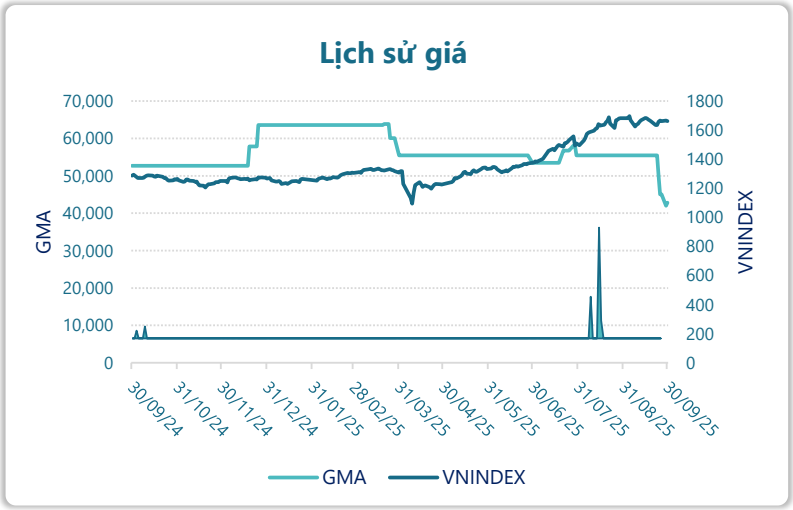
FireAnt

CTCP G-AUTOMOBILE (HNX: GMA)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**42,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	63,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,000
SL cổ phiếu LH	19,999,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,525
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	856
P/E	104.8
EPS	408

DT thuần

Q3/25

1,096

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 581| 113%

YoY: ▲ 299| 37.5%

LN sau thuế

Q3/25

4.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.3| 131%

YoY: ▼6.34| -61.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.6%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

9T 2025

2,205

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 255| 13.0%

LN sau thuế

9T 2025

-6.24

tỷ VNĐ

YoY: ▼20.0| -145%

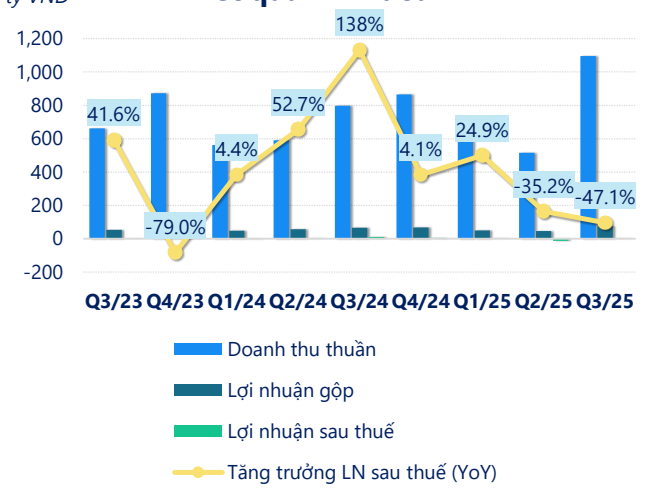
ROE

Q3/25

1.8%

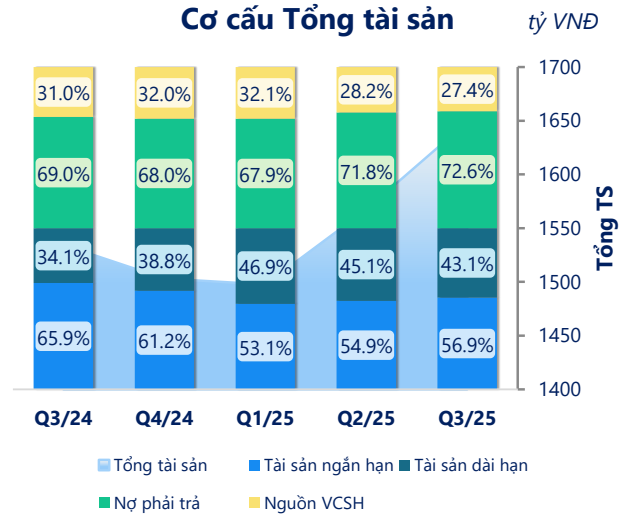
+/- YoY: ▼ 1.9%

Kết quả kinh doanh



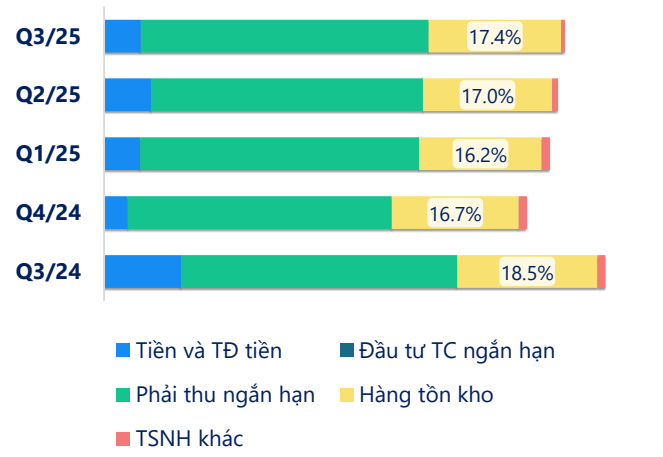
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



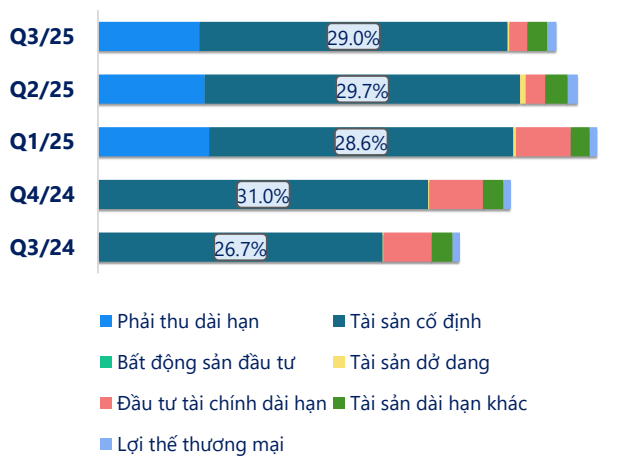
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



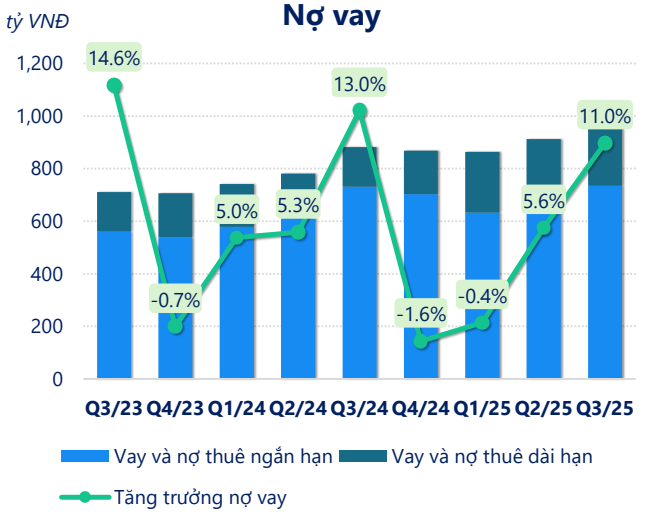
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



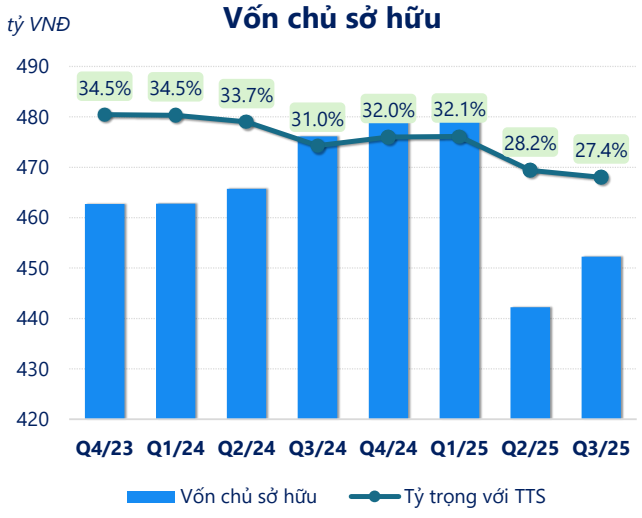
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



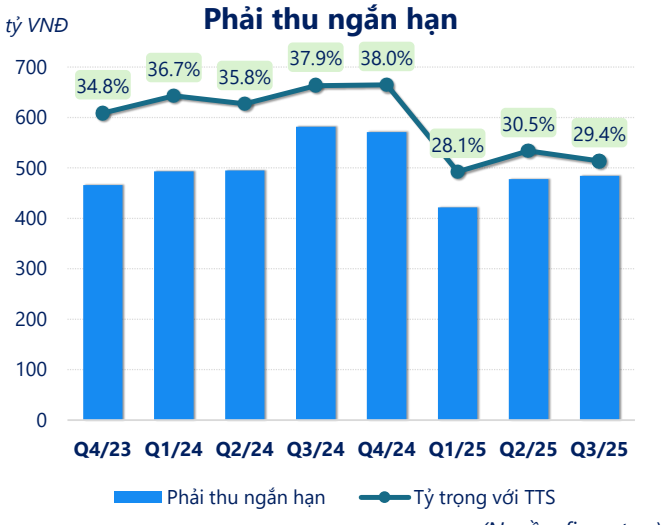
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



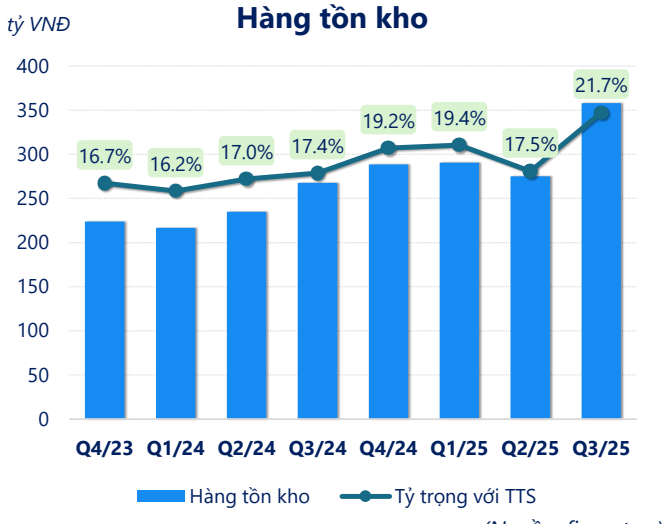
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



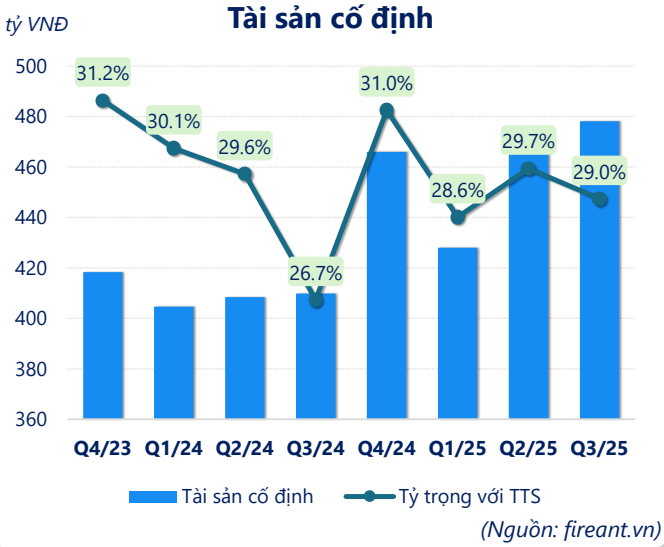
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



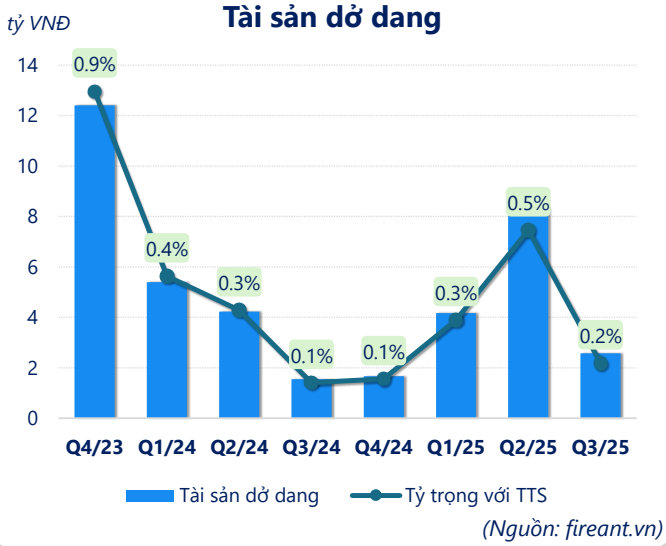
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



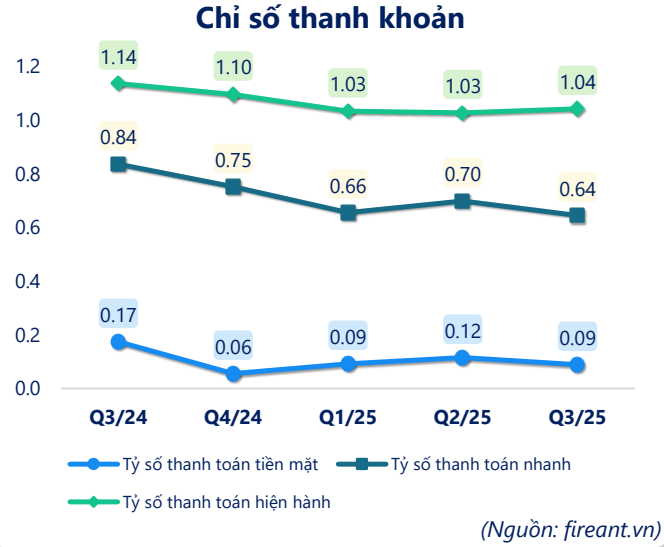
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



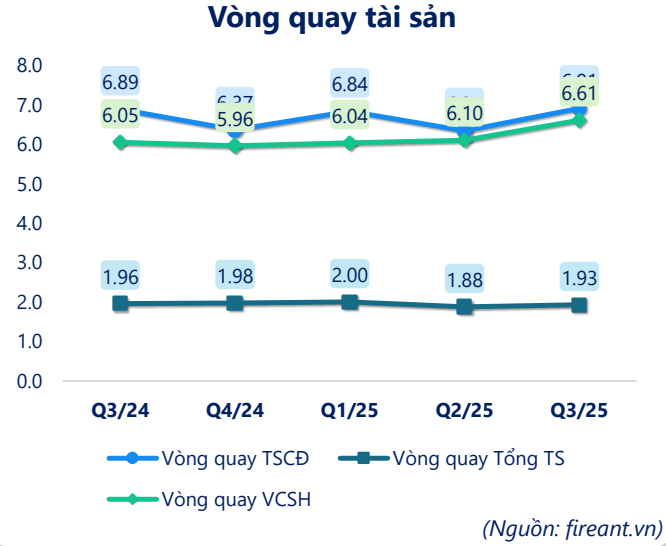
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,534**	**1,503**	**1,498**	**1,568**	**1,649**
Tài sản ngắn hạn	**1,012**	**920**	**795**	**860**	**938**
Tiền và tương đương tiền	155	46.7	71.1	96.4	79.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	582	571	422	478	484
Hàng tồn kho	267	289	291	275	358
Tài sản ngắn hạn khác	7.79	13.2	11.5	10.6	16.2
Tài sản dài hạn	**523**	**584**	**703**	**707**	**711**
Phải thu dài hạn	0.73	0.73	157	157	157
Tài sản cố định	410	466	428	465	478
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.55	1.67	4.17	8.35	2.57
Đầu tư tài chính dài hạn	69.3	75.7	77.0	28.4	27.9
Tài sản dài hạn khác	30.3	29.1	26.9	33.4	30.8
Lợi thế thương mại	10.8	10.5	10.1	14.9	14.4
Nợ phải trả	**1,058**	**1,022**	**1,017**	**1,125**	**1,197**
Nợ ngắn hạn	**891**	**839**	**769**	**837**	**900**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	732	703	633	643	734
Phải trả người bán ngắn hạn	53.2	43.9	62.8	73.1	42.9
Nợ dài hạn	168	183	248	288	297
Vay và nợ thuê dài hạn	150	165	231	269	278
Nguồn vốn chủ sở hữu	**476**	**481**	**480**	**442**	**452**
Vốn chủ sở hữu	**476**	**481**	**480**	**442**	**452**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)